

AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ TỪ NÔNG THÔN RA ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

DƯƠNG CHÍ THIÊN*

1. Nguyên nhân thúc đẩy dòng người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị

Từ đầu thập kỷ 90 đến nay, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng ở Việt Nam, nông thôn thu hẹp dần, số lượng nông dân không còn đất sản xuất và thiếu việc làm ở nông thôn tăng cao, với dân số đô thị tăng nhanh, diện tích đô thị được mở rộng; tỷ lệ dân số đô thị tăng từ 18,5% tổng dân số (TDS) năm 1990, lên đến 25% TDS năm 2003, và đến năm 2010, dân số đô thị khoảng hơn 30% TDS. Trong khoảng 30 năm, dân số đô thị đã tăng lên 2,6 lần. Cùng với quá trình gia tăng dân số đô thị là quá trình mở rộng nhanh chóng diện tích đô thị. Theo số liệu của Bộ Xây dựng, diện tích đô thị ở Việt Nam đã tăng từ 630 km² năm 1995 lên 1380 km² vào năm 2000 (tăng 2,2 lần trong 5 năm), dự kiến tăng lên tới 2430 km² vào năm 2010 (tăng 3,9 lần trong 15 năm) và tăng lên tới 4600 km² vào năm 2020. Theo *Định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/04/2009, đến năm 2015 tỷ lệ đô thị cả nước là 38%, đến năm 2020 là 45% (tương đương với dân số đô thị khoảng 50 triệu người); đến năm 2025 là 50%. Quá trình

tăng trưởng về kinh tế và đô thị hóa đi liền với sự phân hóa và chênh lệch mức sống về cơ hội việc làm và cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội giữa các khu vực, vùng miền gia tăng, nhất là giữa khu vực nông thôn và đô thị.

Đô thị hóa nhanh tạo ra điều kiện và cơ hội việc làm ngày càng nhiều hơn ở khu vực đô thị, trong khi ở khu vực nông thôn đang thừa rất nhiều lao động. Đó là những yếu tố quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ dòng lao động di cư từ nông thôn ra đô thị - một trong những dòng di cư chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các dòng di cư chủ yếu hiện nay ở Việt Nam.

2. Vài nét về người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị

2.1. Qui mô

Theo kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999: Việt Nam có khoảng 4,5 triệu người di cư (chiếm khoảng 6,5% dân số), trong đó có 53% di cư đến đô thị (27% di cư từ nông thôn ra đô thị và 26% di cư từ đô thị đến đô thị). Số lượng di cư này (*chưa bao gồm các hình thái di cư ngắn hạn, di cư theo thời vụ và di cư con lắt*). Kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho biết: Việt Nam có khoảng 6,6

(*) Tiến sỹ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

triệu người di cư (chiếm khoảng 7,7% dân số), tăng khoảng 2,1 triệu người di cư so với năm 1999. Trong đó có khoảng 32% người di cư từ nông thôn ra các đô thị, (*chưa bao gồm các hình thái di cư ngắn hạn, di cư theo thời vụ và di cư con lắt*). Nếu tính cả số người di cư theo hình thái di cư thời vụ, di cư con lắt, di cư ngắn hạn, thì số lượng lao động di cư nông thôn – đô thị sẽ chiếm số lượng và tỷ lệ lớn hơn nhiều (dự đoán khoảng trên 50%).

2.2. Nơi đến chủ yếu

Nơi đến chủ yếu của dòng lao động di cư từ nông thôn ra đô thị trong khoảng 20 năm gần đây chủ yếu tập trung ở một số thành phố lớn có tốc độ đô thị hóa nhanh, có mức tăng trưởng kinh tế cao, cụ thể như Thành phố Hồ Chí Minh (31%, thậm chí 50% dân số (DS) là người di cư trong 7/24 quận/huyện), Hà Nội (10% DS), Đà Nẵng (6,4% DS), ... Ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, dân số di cư đã làm tăng gấp đôi tổng dân số của 2 thành phố này. Theo thống kê của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), năm 2005 người di cư nông thôn ra đô thị chiếm tới 1/3 dân số của Thành phố Hồ Chí Minh và 1/10 dân số của Hà Nội.

Riêng thành phố Hà Nội, có tới 26.729 hộ (106.458 người) chiếm tới 3,2% dân số Hà Nội cũ là người các tỉnh về Hà Nội mua nhà để cư trú và làm ăn sinh sống ổn định (có đăng ký tạm trú dài hạn, gọi là diện KT3); có 2.717 hộ (81.939 người) chiếm 2,8% dân số Hà Nội cũ là người các tỉnh về Hà Nội thuê nhà trọ, ở nhờ để làm việc ngắn ngày

trong các doanh nghiệp, hoặc làm nghề tự do không ổn định (có đăng ký tạm trú ngắn hạn, gọi là diện KT 4); có 116.430 người chiếm khoảng 4% dân số Hà Nội cũ là các học sinh, sinh viên các tỉnh về thuê nhà tạm trú để đi học. Ngoài ra, còn có khoảng từ 5.000 đến 10.000 người tạm trú vắng lai tại các nhà trọ rẻ tiền để làm việc theo thời vụ tại Hà Nội (thường không đăng ký tạm trú, gọi là diện KT0).

Nơi thu hút nhiều người di cư nhất, chẳng hạn như Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ suất di cư thuần là 116%, Đà Nẵng là 77,9%, Đồng Nai là 64,4% và Hà Nội là 50%. Có lẽ trường hợp đặc thù nhất là tỉnh Bình Dương với tỷ suất di cư thuần lên tới 341,7% do có một số lượng lớn các khu công nghiệp đóng ở đây.

2.3. Một số đặc trưng chủ yếu của người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị

Di cư để nhằm mục đích chính tìm kiếm việc làm, lao động kiếm sống, tăng thu nhập và cải thiện cuộc sống. Bởi ở khu vực nông thôn đang rất thiếu việc làm, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp, tỷ lệ nghèo đói cao; trong khi ở khu vực đô thị có nhiều cơ hội tìm được việc làm hơn, họ có thể cải thiện tình trạng nghèo khổ, mặc dù mức thu nhập của họ có thể thấp hơn so với người dân thành phố, nhưng cũng còn cao hơn thu nhập mà họ có thể thu được từ sản xuất nông nghiệp. Cụ thể, ở Thành phố Hồ Chí Minh, các nguyên nhân di cư: lý do kinh tế chiếm đến 79,7%; lý do hợp lý hóa/ xây dựng gia đình chỉ chiếm 10%; lý do học tập chỉ chiếm 5,1%.

Phần lớn họ thuộc nhóm dân cư trẻ (18 - 30 tuổi). Đây là lực lượng lao động năng động nhất. Lý do chính khiến họ di cư ra đô thị là tìm kiếm việc làm. Tổng cục Thống kê nhận định, trong số lao động di cư, có tới 2/3 là lao động trẻ (15-19 tuổi). Tỷ lệ theo nhóm tuổi của lao động di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh ở nhóm 20-24 tuổi chiếm đến 39,2%, ở nhóm 25-29 tuổi chiếm 22,6% và ở nhóm 30-34 tuổi chiếm 13,1%. Đây là 3 nhóm đại diện cho nguồn nhân lực trẻ, trong đó lượng người nhập cư đang có xu hướng trẻ hóa, nhất là nhóm 20-24 tuổi chiếm đến 39,2%.

Đa số lao động di cư từ nông thôn ra đô thị chủ yếu là cá nhân, không di chuyển cùng gia đình. Một phần trong số họ chưa lập gia đình. Đối với những người đã lập gia đình, phần nhiều họ di cư một mình, không mang theo vợ (hoặc chồng) và con cái; gia đình họ vẫn ở tại nơi xuất cư. Trong số những người nhập cư đến Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ người nhập cư độc thân chiếm 51,4%, người nhập cư đã có gia đình chiếm 46,2%. Có một tỷ lệ rất thấp người di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh cùng với cả gia đình. Trong những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị, thì tỷ lệ nữ chiếm tới 54% và tỷ lệ nam là 46%.

3. Thực trạng an sinh xã hội

Hệ thống an sinh xã hội chính thức hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu mới về an sinh xã hội và nhất là chưa bao phủ được hết tất cả các nhóm dân số mới trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Theo nhận định của Viện Khoa học lao động và Xã hội, Bộ Lao động,

Thương binh và Xã hội, hệ thống an sinh xã hội chính thức hiện nay của Việt Nam còn có một số vấn đề lớn đang đặt ra cần phải giải quyết là: *độ bao phủ của hệ thống an sinh xã hội hiện hành còn khiêm tốn; hệ thống chính sách chưa đầy đủ; hiệu quả thực hiện một số chính sách chưa cao; chất lượng cung cấp một số dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu; một bộ phận các đối tượng dễ bị tổn thương khó tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; nguồn tài chính đảm bảo an sinh xã hội chưa đảm bảo để hỗ trợ mọi người dân có mức sống tối thiểu; chưa phát huy và huy động được hết tiềm năng của các đối tác xã hội trong tham gia thực hiện An sinh xã hội.* Điều đó đòi hỏi phải xây dựng một hệ thống an sinh xã hội mới, đáp ứng được các nhu cầu và bao phủ được tất cả các nhóm dân cư, trong đó có nhóm người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị.

Các nghiên cứu và số liệu thống kê đều cho thấy, đa số lao động di cư không tham gia và không được hưởng bảo hiểm xã hội (hưu trí, y tế và thất nghiệp). Gần như toàn bộ (99%) lao động di cư không có bảo hiểm xã hội hay bảo hiểm tai nạn lao động. Hầu hết lao động di cư tự do không có bảo hiểm thất nghiệp. Phần lớn lao động di cư từ nông thôn ra thành phố không có bảo hiểm y tế, mà nếu có thì cũng rất khó khăn trong việc tiếp cận hệ thống khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế. Cụ thể, ở Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả điều tra cho thấy, có tới 59,2% số lượng người di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh không có bảo hiểm y tế, trong đó tỷ lệ nữ chiếm 52,6% tổng số nữ di cư

và nam giới chiếm 68,5% tổng số nam di cư không có thẻ bảo hiểm y tế.

Hầu hết lao động di cư không có và không được hưởng các chế độ bảo hiểm dành cho người lao động (tai nạn lao động, thai sản, nghỉ ốm, bệnh nghề nghiệp...) tại nơi họ làm việc. Có khoảng 70% lao động di cư không được hưởng bất cứ hình thức phúc lợi xã hội nào tại nơi làm việc.

Hầu như lao động di cư chưa bao giờ được khám chữa bệnh hoặc kiểm tra sức khỏe định kỳ theo các chế độ an sinh xã hội chính thức. Khoảng 95% lao động di cư chưa bao giờ được đi khám chữa bệnh hoặc kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Phần lớn các chương trình, dự án hỗ trợ chính thức của Nhà nước (như các chương trình hỗ trợ giảm nghèo, đào tạo nghề, tìm việc làm, cứu trợ xã hội khi gặp rủi ro, tổn thương, v.v.) chỉ mới được thực hiện ở các cơ sở kinh tế thuộc khu vực chính thức ở các thành phố; còn những người lao động di cư từ nông thôn ra thành phố đều không thể tiếp cận và không được hưởng lợi từ các chương trình, dự án an sinh xã hội chính thức này.

Thực trạng trên chỉ ra rằng: tuyệt đại đa số người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị đang không được hưởng lợi từ hệ thống an sinh xã hội chính thức của Nhà nước.

4. Các yếu tố liên quan đến an sinh xã hội

Phần lớn những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị phải chấp nhận làm nhiều việc làm nặng nhọc, độc hại, trong điều kiện tồi tệ, bằng sức lao động

giản đơn (làm thuê trong các công trường xây dựng, các cơ sở tái chế nhựa, may mặc, da giày, bán hàng rong, giúp việc gia đình, v.v...). Cụ thể, trong số những lao động ngoại tỉnh nhập cư vào Hà Nội: 19,1% lao động di cư làm việc trong các cơ sở sản xuất rất nhỏ (dưới 10 lao động), trong các tổ sản xuất tư nhân (như xây dựng, giày da, may mặc, sản xuất đồ nhựa...); 8,8% lao động di cư làm việc tạm tuyển trong các doanh nghiệp nhà nước; 13,0% lao động di cư làm phục vụ trong các nhà hàng, buôn bán rong, giúp việc gia đình, ...; 46,5% lao động di cư làm thuê tự do (xe ôm, bốc vác thuê ở các chợ, đào và đổ đất cát, hoặc ai thuê việc gì làm việc đó, v.v.).

Nhìn vào số liệu trên, có thể thấy lao động di cư từ nông thôn ra đô thị ở Hà Nội đang phải chấp nhận những công việc mà người dân bản địa ít muốn làm. Đó thường là những công việc nặng nhọc, độc hại, không ổn định. Rất ít người được làm việc chính thức trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh có qui mô lớn.

Số liệu nghiên cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho thấy, tỷ lệ người di cư làm việc chủ yếu trong các loại hình kinh tế cá thể, các doanh nghiệp rất nhỏ (tiểu chủ) chiếm 35,1% và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 30,9%, còn lại 27,4% làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân nhỏ, trong khi đó ở khu vực nhà nước chỉ 5,7%. Các nghiên cứu về lao động di cư từ nông thôn ra các đô thị khác thời gian qua cũng cho thấy rằng, những người lao động di cư chủ yếu làm việc trong các

cơ sở kinh tế thuộc khu vực phi chính thức, nhỏ lẻ (như các cơ sở kinh tế tư nhân có qui mô sản xuất kinh - doanh rất nhỏ, dưới 10 lao động); chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ (khoảng từ 5 đến 10%) may mắn tìm được việc làm tạm thời trong các doanh nghiệp nhà nước.

Một số nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, có tới 58% nam giới lao động di cư chưa có hợp đồng lao động. Những lao động này chủ yếu làm việc ở các cơ sở kinh tế thuộc khu vực phi chính thức, nhỏ lẻ. Tại các khu công nghiệp, 80% nữ giới đã có hợp đồng lao động. Hợp đồng lao động là cơ sở pháp lý quan trọng để người lao động có thể tiếp cận tới bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các hình thức hoặc chế độ bảo trợ xã hội chính thức khác dành cho người lao động theo luật định. Theo ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, ở những nơi không có hợp đồng lao động, người sử dụng lao động thường không cảm thấy có nghĩa vụ phải cung cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho những người được tuyển dụng dựa trên hợp đồng bằng miệng hoặc hợp đồng không chính thức. Mặt khác, với những lao động di cư đã có hợp đồng lao động thì chủ sử dụng lao động thường trốn tránh thực hiện bảo hiểm xã hội (BHXH) và các phúc lợi xã hội đối với người lao động trong các cơ sở đó. Chính các yếu tố đó đã dẫn đến làm cho những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị không thể có bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và không được hưởng lợi từ các chế độ, chính sách hỗ trợ, cứu trợ xã hội chính

thức của Nhà nước.

Phần lớn lao động di cư từ nông thôn ra đô thị do có trình độ học vấn thấp, trình độ tay nghề thấp, lại làm những công việc thuộc khu vực phi chính thức là chủ yếu, nên họ có thu nhập thấp và không ổn định (có thể bị mất việc làm bất cứ lúc nào). Chẳng hạn, các nghiên cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: thu nhập bình quân khoảng 985.000đ/tháng đối với người lao động di cư ở độ tuổi 15-29, 1.304.000đ/tháng đối với người lao động di cư ở độ tuổi 30 - 44 và 1.100.000đ/tháng đối với người lao động di cư ở độ tuổi 45 - 59. Với mức thu nhập và mức sống thấp như trên, lao động di cư từ nông thôn ra đô thị kiếm sống cũng khó có thể bảo đảm an sinh cho mình trước những thách thức, áp lực của bản thân và gia đình họ. Họ trở thành nhóm dân cư rất dễ bị tổn thương và rủi ro trước những biến cố của cuộc sống.

Điều kiện nhà ở của người lao động cũng được xem là một yếu tố quan trọng của an sinh xã hội đối với nhóm đối tượng này. Đa số họ phải sống trong những khu nhà trọ rẻ tiền, với điều kiện ở tạm bợ và tồi tệ (thiếu điện, thiếu nước sạch, điều kiện vệ sinh kém...). Có 48% người trả lời cho biết, trong số những khó khăn chính của lao động nhập cư là vấn đề nhà ở. Những người nhập cư vào Hà Nội thường phải thuê ở trong các khu nhà trọ rẻ tiền, như các khu nhà tập thể đã quá cũ nát, hoặc khu nhà trọ ven sông Hồng, thậm chí họ còn phải ở ngay tại nơi làm việc (các công trường xây dựng, các cơ sở sản xuất tư nhân ...).

Ở các khu vực đó, điều kiện ở rất thiếu thốn (diện tích chật chội, thiếu ánh sáng, thiếu nước sạch, thiếu thoáng mát); điều kiện vệ sinh môi trường kém (gần nơi đổ rác thải, cống rãnh thoát nước thải, nhiều mùi hôi và ô nhiễm môi trường nặng nề). Điều này dẫn đến việc người lao động rất dễ bị tổn thương và chịu nhiều tác động tiêu cực về sức khỏe (cả sức khỏe vật chất và tinh thần). Phần lớn họ không có bảo hiểm y tế, không được hưởng những phúc lợi về chăm sóc sức khỏe tại nơi làm việc, họ không thể hoặc rất khó tiếp cận với hệ thống an sinh xã hội về y tế và chăm sóc sức khỏe từ phía Nhà nước dành cho các người lao động.

Hệ thống phân loại dân cư theo hộ khẩu hiện nay vẫn còn tồn tại, mặc dù có sự nói lỏng hơn từ năm 2006 – 2007. Trong khi đó, những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị hiện nay vẫn chỉ thuộc diện hộ khẩu KT3, KT4 và KT0; với hộ khẩu đó họ vẫn bị phân biệt đối xử về vị thế xã hội và vị thế pháp lý so với nhóm lao động bản địa. Cùng với hệ thống phân loại theo hộ khẩu như trên, các loại dịch vụ công mang tính chất an sinh xã hội (như cung cấp nhà ở, điện, nước sạch, điện thoại, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe...) vẫn đang dựa trên hệ thống phân loại theo hộ khẩu này. Điều đó tạo ra sự bất bình đẳng nghiêm trọng giữa những lao động nhập cư từ nông thôn ra đô thị so với người dân bản địa. Và đặc biệt hơn nữa là, phương thức thực hiện an sinh xã hội chính thức dựa trên cơ sở phân loại theo hộ khẩu đang tồn tại là một yếu tố quan trọng làm cho

những người lao động di cư tự do từ nông thôn ra đô thị rất khó khăn (hoặc không thể) tiếp cận được với những chương trình, dự án, chế độ, chính sách an sinh xã hội chính thức của Nhà nước.

Gần như 100% những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị không tham gia và không muốn tham gia vào các hoạt động của cơ quan chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tự nguyện tại nơi đến (đô thị). Lý do chủ yếu của họ đưa ra là phải lao động kiếm sống suốt ngày, không có thời gian tham gia, hoặc không có tiền để tham gia đóng góp cho các tổ chức trên. Chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương lại là nơi thực hiện các chương trình an sinh xã hội chính thức. Vì thế, hai yếu tố này đã dẫn đến việc người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị dường như bị bỏ rơi khỏi những chương trình, dự án, chính sách an sinh xã hội chính thức từ phía Nhà nước.

Cuộc sống nơi đô thị đầy những khó khăn, thách thức, rủi ro, bất trắc, dễ bị tổn thương đối với người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị. Vì thế, nhu cầu an sinh xã hội là rất lớn và thực sự cần thiết đối với họ.

5. Nhu cầu về an sinh xã hội

Những phân tích trên cho thấy, những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị hiện nay đang có nhu cầu được bảo đảm từ hệ thống an sinh xã hội chính thức. Những lĩnh vực quan trọng về an sinh xã hội đối với nhóm dân cư này qua các nghiên cứu như sau:

– *Việc làm và thu nhập*: Nhu cầu cần có việc làm và dễ dàng tiếp cận được

việc làm, có được thu nhập (trả công) một cách công bằng và ổn định như những công dân khác đang sinh sống ở các đô thị.

– *Giáo dục*: Nhu cầu cần được học tập, đào tạo nghề và con cái được đi học, được bình đẳng như mọi nhóm dân cư khác.

– *Y tế*: Nhu cầu được tiếp cận với hệ thống bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh tại nơi đang cư trú và làm việc.

– *Nhà ở*: Nhu cầu về nhà ở với các điều kiện sống an toàn, ổn định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

– *Các dịch vụ công* (hành chính công, điện, nước, thông tin...): Nhu cầu cần được tiếp cận với các dịch vụ công một cách công bằng, nhanh chóng và thuận tiện.

– *Các hình thức bảo trợ và cứu trợ xã hội chính thức* (bảo trợ, trợ giúp, trợ cấp, giúp đỡ, cứu trợ...): Nhu cầu cần được tiếp cận với hệ thống bảo trợ và cứu trợ xã hội chính thức khi gặp rủi ro từ phía chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội tự nguyện và nhất là từ các doanh nghiệp, các chủ sử dụng lao động.

Các nhu cầu chủ yếu nêu trên chỉ có thể được giải quyết dựa trên cơ sở xóa bỏ những rào cản, khó khăn, thách thức từ phía hệ thống các văn bản pháp luật, chính sách và chế độ của Nhà nước, của các doanh nghiệp, chính quyền địa phương, cộng đồng và các tổ chức xã hội.

6. An sinh xã hội phi chính thức

Nhóm lao động di cư từ nông thôn ra đô thị thực tế đang gặp nhiều khó khăn, rào cản, thách thức để có thể tiếp cận với hệ thống an sinh xã hội chính thức

từ phía Nhà nước (các cấp). Bởi vậy, muốn bảo đảm cuộc sống tối thiểu nơi thành phố, họ phải dựa vào hệ thống *an sinh xã hội phi chính thức* là chủ yếu. Đó là những hình thức, phương thức giúp đỡ, hỗ trợ, cụ thể như sau:

• *Tự lo cho bản thân*: *Tự lo cho mình* là yếu tố quan trọng nhất đối với người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị. Bằng chứng là, chỉ có khoảng 1/3 số lao động di cư từ nông thôn ra đô thị có nhận được sự trợ giúp, còn lại 2/3 số lao động tự lo cho bản thân. Họ tự lo tìm kiếm việc làm, nhà ở, vốn kinh doanh, tự chăm sóc sức khỏe, tự học hỏi kinh nghiệm và kỹ năng sống, v.v... Ở nơi đô thị. Có như vậy họ mới có thể tồn tại được trong môi trường mới.

• *Dựa vào mạng lưới di cư*: Trong cuộc sống hàng ngày, *tự lo cho mình* cũng không thể giải quyết được tất cả các khó khăn. Vì vậy, bên cạnh các nỗ lực của bản thân, thì những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị dựa chủ yếu vào mạng lưới di cư (anh em, họ hàng, người cùng quê, ...). Thông qua đó, họ có thể tư vấn, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau tìm kiếm việc làm, nhà ở, cho nhau vay vốn, truyền đạt những kỹ năng và kinh nghiệm sống, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp rủi ro, ốm đau, bệnh tật, nuôi dạy con cái, v.v..

An sinh xã hội phi chính thức được thể hiện cụ thể qua các hình thức sau đây:

– *Mạng lưới anh em, bạn bè, họ hàng, người thân quen cùng địa phương nơi xuất cư di cư lên thành phố*: Các kết quả phân tích định tính cho thấy, những lao động từ nông thôn ra đô thị chủ yếu dựa vào sự giúp đỡ, hỗ trợ của chính

những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị cùng với nhau. Biểu hiện cụ thể hơn là việc những người ra thành phố trước thường trở về rủ thêm anh em, bạn bè cùng thôn xóm, hoặc cùng địa phương lên thành phố kiếm sống. Họ hỗ trợ tìm việc làm, chỗ ở trọ, cho vay vốn, giúp đỡ lẫn nhau lúc ốm đau, bệnh tật; hơn nữa họ cùng chia sẻ, động viên lẫn nhau trong đời sống tinh thần. Các quan hệ xã hội gần gũi (như anh em, họ hàng, bạn bè, cùng nơi xuất cư) là yếu tố rất quan trọng về an sinh xã hội đối với lao động di cư từ nông thôn ra đô thị. Như vậy, mạng lưới di cư này là một yếu tố có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng đối với an sinh xã hội của nhóm lao động di cư từ nông thôn ra đô thị nhằm bảo đảm cho người lao động vượt qua được những khó khăn, thách thức và rủi ro (có thể) trong quá trình di cư và mưu sinh nơi thành phố.

– *Mạng lưới những người lao động cùng làm một công việc và cùng nơi làm việc:* Bên cạnh các quan hệ đã được thiết lập sẵn có đối với những người lao động di cư (như các quan hệ anh em, họ hàng, bạn bè, người thân quen ở cùng nơi xuất cư lên thành phố), còn có các quan hệ giữa những người lao động di cư với nhau họ khác nơi xuất cư, nhưng khi lên thành phố họ cùng làm một nghề/công việc ở một cơ sở sản xuất kinh doanh), cũng như quan hệ giữa những lao động di cư với chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đây được xem như một trong những yếu tố không thể thiếu của an sinh xã hội đối với nhóm lao động di cư từ nông thôn ra đô thị.

Những lúc lao động di cư gặp khó khăn trong cuộc sống, như cần chuyển sang những việc làm khác, cần giúp đỡ, chăm sóc lúc ốm đau, thậm chí cần vay một khoản tiền nào đó, thì mạng lưới an sinh xã hội này có thể giúp họ giải quyết vượt qua khó khăn và tránh cho họ khỏi rơi vào con đường *tuyệt vọng* trong cuộc sống thường ngày.

– *Mạng lưới những người lao động cùng nơi ở hàng ngày tại thành phố:* Một mạng lưới khác đóng vai trò không nhỏ đối với những người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị, đó là các quan hệ của họ với những lao động di cư khác có cùng một nơi ở hàng ngày, hoặc quan hệ với các chủ nhà cho thuê trọ với những người hàng xóm xung quanh nơi họ ở. Những người lao động cần thiết phải tạo lập một mạng lưới các quan hệ này ngày càng thân thiện hơn. Bởi từ mối quan hệ đó họ có thể nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ khi cần thiết.

7. Một số nhận xét và hàm ý chính sách

7.1. Nhận xét

– Lao động di cư từ nông thôn ra đô thị hiện nay chưa được bảo đảm cuộc sống an toàn; mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro của họ rất cao. Nhu cầu về an sinh xã hội là rất lớn và cấp thiết trên tất cả mọi mặt của cuộc sống.

– Họ chưa tiếp cận được hệ thống an sinh xã hội chính thức, đặc biệt là các hình thức bảo hiểm xã hội và trợ cấp xã hội chính thức từ phía Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

– Họ chủ yếu dựa vào các hình thức an sinh xã hội phi chính thức (tự lo cho bản thân và qua mạng lưới di cư).

7.2. Một số hàm ý chính sách

– Bổ sung và thực thi có hiệu quả hệ thống chính sách, pháp luật để giảm thiểu những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị (việc làm, thu nhập, đời sống, giáo dục, y tế, nhà ở, ...).

– Cần thiết phải xây dựng và thực thi hệ thống an sinh xã hội chính thức (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các loại hình trợ giúp xã hội ...) để người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị có thể dễ dàng tiếp cận hệ thống này.

– Liên kết, ràng buộc chặt chẽ giữa chính quyền, chủ sử dụng lao động và người lao động di cư về hợp đồng lao động và BHXH, tăng cường trách nhiệm xã hội của các công dân và các doanh nghiệp.

– Xóa bỏ sự phân biệt đối xử và thiếu công bằng giữa các nhóm dân cư đang sinh sống và làm việc ở thành phố thông qua chính sách phân loại hộ khẩu.

– Không gắn chính sách phân loại hộ khẩu với việc tiếp cận các dịch vụ công và các loại hình an sinh xã hội chính thức.

– Tạo môi trường thuận lợi để lao động di cư từ nông thôn ra đô thị có thể tham gia nhiều hơn và hiệu quả hơn vào các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội tự nguyện ở thành phố.

– Cần tạo môi trường xã hội cởi mở và thuận lợi hơn để khu vực xã hội dân sự phát triển mạnh mẽ và tham gia ngày càng nhiều hơn vào lĩnh vực cung cấp an sinh xã hội đối với toàn bộ các nhóm dân cư khác nhau, đặc biệt là đối với nhóm lao động di cư từ nông thôn ra đô thị.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng Cục Thống kê (2011), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 2009. Di cư ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và khác biệt*, Hà Nội.

2. Bùi Việt Thành (2011), *Di cư nông thôn - đô thị: Thách thức và cơ hội cho Thành phố Hồ Chí Minh*, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. David Albrecht, Hervé Hocquard, Philippe Papin (2010), *Chính quyền địa phương trong quá trình phát triển đô thị ở Việt Nam*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

4. Đặng Nguyên Anh (2005), *Di dân trong nước: vận hội và thách thức đối với công cuộc đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Hà Nội.

5. Đinh Văn Thông (2010), *Di dân ngoại tỉnh vào TP. Hà Nội: Vấn đề đặt ra và giải pháp*, Báo cáo tại Hội thảo “Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng, vì hòa bình”, Hà Nội.

6. Lưu Đức Hải (2011), “Các vấn đề ven đô và đô thị hóa”. Báo cáo tại Hội thảo Khoa học của Viện Quy hoạch đô thị nông thôn (Bộ Xây dựng).

7. Phòng Đô thị Viện Xã hội học (2005), *Người nhập cư từ nông thôn vào đô thị và những vấn đề đặt ra đối với Hệ thống an sinh xã hội*, Hà Nội.

8. Quyết định số 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 07/04/2009 về định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

9. Tổng cục Thống kê (2010), *Niên giám thống kê năm 2010*.

10. Trần Thị Minh Đức (2004), *Di cư lao động từ nông thôn ra thành phố: Những khía cạnh tâm lý xã hội ở người Phụ nữ bán rong*, Hà Nội.

11. Viện Khoa học lao động và xã hội (ILSSA), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010), *Chiến lược an sinh xã hội thời kỳ 2011-2020*, (Trang thông tin điện tử).

